

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH S**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 104/2019/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Vũ L**, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện C, tỉnh S.

- Bà **Trương Thị An T**, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp V, xã G, huyện M, tỉnh S; Địa chỉ: Số 414/8/8, đường N, khóm H, phường H, thành phố S, tỉnh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị An T và Trần Vũ L vào ngày 27/7 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm. Hôn nhân của ông L, bà T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì đến cuối năm 2018 ông L, bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về tài chính, bất đồng về quan điểm sống, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn ông L, bà T đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng hàn gắn không được. Ông L, bà T sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay.

Nay ông L, bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông L, bà T.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà Trương Thị An T và ông Trần Vũ L

đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông, bà đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Hiện nay ông L, bà T không còn chung sống như vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trương Thị An T và Trần Vũ L.

[2]. Về con chung: Ông Trần Vũ L và bà Trương Thị An T trình bày có một người con chung tên Trần Hoàng Trọng L, sinh ngày 21/4/2018. Sau khi ly hôn, ông Trần Vũ L và bà Trương Thị An T thống nhất giao cháu Trần Hoàng Trọng L, sinh ngày 21/4/2018 cho bà Trương Thị An T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Trần Vũ L không cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Hoàng Trọng L, sinh ngày 21/4/2018.

Ông Trần Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Hoàng Trọng L sinh ngày 21/4/2018 mà không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này.

[3]. Về tài sản chung: Ông Trần Vũ L và bà Trương Thị An T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Trần Vũ L và bà Trương Thị An T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Vũ L và bà Trương Thị An T mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Vũ L và bà Trương Thị An T thuận tình ly hôn;

1.2 Về con chung: Sau khi ly hôn, ông Trần Vũ L và bà Trương Thị An T thống nhất giao cháu Trần Hoàng Trọng L, sinh ngày 21/4/2018 cho bà Trương Thị An T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Trần Vũ L không cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Hoàng Trọng L, sinh ngày 21/4/2018.

Ông Trần Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Hoàng Trọng L, sinh ngày 21/4/2018 mà không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này.

1.3 Về tài sản chung: Ông Trần Vũ L và bà Trương Thị An T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Ông Trần Vũ L và bà Trương Thị An T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Vũ L và bà Trương Thị An T mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng lệ phí do ông Trần Vũ L và bà Trương Thị An T đã nộp theo biên lai thu số **0009371 và 0009372** cùng ngày **22/8/2019** của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh S. Ông Trần Vũ L và bà Trương Thị An T đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *UBND xã P, huyện C, tỉnh S*
- *VKSND TPS;*
- *Chi cục THADS TPS;*
- *Lưu HS.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Định